TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2023

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Cường Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Phương và bà Lê Thị Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Dàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà My Ly – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2023/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2023 của Tòa án huyện Di Linh giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T; sinh năm 2000. Có mặt.
Địa chỉ: Số XX, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Phạm Đăng Trường G; sinh năm 1999. Vắng mặt.
Địa chỉ: Tổ GG, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, chị T trình bày như sau:

Chị và anh G sống chung có đăng ký kết hôn ngày 24/3/2022 tại UBND xã Lộc Đức, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Đến khoản tháng 8/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do thời gian tìm hiểu nhau chưa nhiều vợ chồng không phù hợp trong cách suy nghĩ và trong sinh hoạt hàng ngày, một phần là do khó khăn về kinh tế. Từ đầu tháng 9/2022 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay,

anh G về nhà bố mẹ đẻ tại thị trấn Di Linh. Chị T ở lại xã Lộc Đức, huyện Bảo Lâm với gia đình bố mẹ đẻ. Xác định vợ chồng không còn yêu thương nên chị T xin được ly hôn với anh G. Vợ chồng không có con chung. Về phần tài sản chung, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có thỏa thuận gì về chế độ tài sản của vợ chồng. Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là giấy kết hôn và giấy khai sinh của con.

Bị đơn, anh G đã nhận được thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các thông báo, quyết định của tòa án, tuy nhiên không đến làm việc nên Tòa án không ghi được ý kiến trình bày.

Theo biên bản xác minh tại địa phương ngày 20/6/2023 cho thấy, anh G thường hay đánh chửi vợ con, vợ chồng đã ly thân từ lâu, Tòa án nên xem xét cho ly hôn là phù hợp.

Do anh G không đến Tòa làm việc, vì vậy Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được, tiến hành họp công khai chứng cứ và đã tống đạt thông báo kết quả họp công khai chứng cứ cho các đương sự theo quy định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, chị T trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị còn cho biết thêm, nguyên nhân mâu thuẩn một phần là do anh G có sử dụng ma túy, không chăm lo cho cuộc sống chung. Hiện nay chị đang ở nhà, sống phụ thuộc gia đình, chị đang tìm việc làm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, nhận thấy Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bị đơn có địa chỉ và hiện đang sống tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, tranh chấp về ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Di Linh có thẩm quyền giải quyết là đúng quy định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đã được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh G lần thứ hai không lý do. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

[3] Nội dung tranh chấp.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Phạm Đặng Trường G sống chung có đăng ký kết hôn, vào ngày ngày 24/3/2022 tại UBND xã Lộc Đức, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Đến khoản tháng 8/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng chưa có thời gian tìm hiểu nhau anh G không chăm lo cuộc sống chung, kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thường hay đánh chửi nhau. Từ đầu tháng 9/2022 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương quý T, lo lắng cho cuộc sống chung. Cả hai cũng không có phương án và ý định trở về đoàn tụ. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xem xét giải quyết cho chị Lê Thị T và anh Phạm Đặng Trường G được ly hôn là phù hợp.

[3.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng không có con chung, khi ly hôn, không đề cập giải quyết về nuôi con chung.

[3.3] Về phần tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung. Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lê Thị T phải chịu là 300.000 đồng án phí xin ly. Chị Lê Thị T đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0014027 ngày 25/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

[5] Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147 điểm d khoản 2 Điều 227 và 228; 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Phạm Đặng Trường G được ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Không đề cập giải quyết.

3. Về phần tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí xin ly hôn. Chị Lê Thị T đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số

0014027 ngày 25/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Đặng Trường G vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- UBND xã Lộc Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Bá Cường Huy